

Số: 2809 /QĐ-UBND

Quảng Điền, ngày 04 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết khu phố chợ vùng trung tâm xã Quảng Thái (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích Quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời hạn 5 năm (2015 – 2020);

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của UBND huyện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu phố chợ vùng trung tâm xã Quảng Thái, tỉ lệ 1/500;

Căn cứ Thông báo số 66/TB-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Quy hoạch chi tiết khu phố chợ vùng trung tâm xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên - Môi trường tại Tờ trình số 144/TTr-TNMT ngày 29 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Quy hoạch chi tiết Khu phố chợ vùng trung tâm xã Quảng Thái (đợt 2) là **83.677.000 đồng** (Tám mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường: 82.036.000 đồng.
- Chi phí hoạt động bồi thường: 1.641.000 đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng do ngân sách Nhà nước và Dự án chi trả.

Điều 3. Căn cứ Phương án đã được phê duyệt, giao trách nhiệm cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, UBND xã Quảng Thái triển khai thực hiện tốt một số nội dung công việc cụ thể như sau:

- UBND xã Quảng Thái làm chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước về chủ đầu tư.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm thực hiện việc niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Quảng Thái và trụ sở sinh hoạt của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi; tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân có tên tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước huyện; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; Chủ tịch UBND xã Quảng Thái; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ dân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ+CVKT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Duy Hải

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2019
của UBND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 1: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ

STT	Họ và tên	ĐVT	Mã số	Số lượng	Điều kiện đến bù	Đơn giá	Hỗ trợ	Hệ số ĐCGĐ	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Văn Kế								11.779.000	
	Đất trồng màu thửa số 25, VT1 vùng đồng bằng (giao theo Nghị định 64/CP)	m2		157,3	100%	23.300		1	3.665.000	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	m2		157,3		23.300	2		7.330.000	
	Cây lạc	m2	21	157,3		3.430		1	540.000	
	Sản công nghiệp	m3	33	157,3	50%	3.100		1	244.000	
2	Văn Lới								15.995.000	
	Đất trồng màu thửa số 26, VT1 vùng đồng bằng (giao theo Nghị định 64/CP)	m2		213,6	100%	23.300		1	4.977.000	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	m2		213,6		23.300	2		9.954.000	
	Cây lạc	m2	21	213,6		3.430		1	733.000	
	Cây sản công nghiệp	m2	33	213,6	50%	3.100		1	331.000	
3	Hồ Viết Tập								54.262.000	
	Đất trồng màu thửa số 41,43, VT1 vùng đồng bằng (giao theo Nghị định 64/CP)	m2		715,2	100%	23.300		1	16.664.000	

	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	m2		715,2		23.300	2		33.328.000	
	Cây lạc	m2	21	715,2		3.430		1	2.453.000	
	Cây sắn công nghiệp	m2	33	715,2	50%	3.100		1	1.109.000	
	Cây đậu đỏ	m2	9	715,2	25%	3.960		1	708.000	
Tổng chi phí đền bù									82.036.000	

Phụ lục 2:
Chi phí hoạt động bồi thường

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng				1.641.000
1	Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất; khảo sát, điều tra về tình hình kinh tế,				523.000
1.1	Chi cho công tác tuyên truyền, tổ chức vận động thực hiện quyết định thu hồi đất				
a	Chi cho các thành viên của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	đồng/buổi/người	100.000	3,0	300.000
b	Chi cho Đại diện các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự	đồng/buổi/người	100.000	2,0	200.000
c	Chi tiền nước uống	đồng		3,0	23.000
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại:				150.000
2.1	Chi lập mẫu, phát tờ khai và hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai về đất đai, nhà cửa, công trình, cây trồng... bị thiệt hại:				
a	Dưới 30 chỉ tiêu đã kê khai	đồng/tờ khai/hộ	20.000	3,0	60.000
2.2	Chi cho công tác kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai của hộ gia đình, cá nhân với kết quả kiểm kê hiện trạng từng hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại ngoài thực địa	đồng/hộ gia đình	10.000	3,0	30.000
2.3	Chi cho công tác tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà cửa, công trình vật kiến trúc, cây trồng và tài sản khác	đồng/hộ gia đình	20.000	3,0	60.000
3	Chi cho công tác lập, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường:				300.000
	Chi cho công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã hoàn chỉnh trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định.				

	+ Đối với các phương án có giá trị bồi thường, hỗ trợ <10 tỷ đồng	đồng/phương án	300.000	1,0	300.000
4	Chi cho công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường:				268.000
4.1	Chi cho công tác thẩm định điều kiện được bồi thường và không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.				
-	Đất nông nghiệp giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng				68.000
+	Từ <= 500m ²	đồng/hồ sơ	15.000	2,0	30.000
+	Từ 500m ² đến 2000 m ²	đồng/hồ sơ	37.800	1,0	38.000
4.2	Chi cho công tác lập báo cáo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo kết quả đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định trình UBND cùng cấp phê duyệt:				
-	Phương án có giá trị bồi thường, hỗ trợ <1 tỷ đồng	đồng/phương án	200.000	1,0	200.000
5	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường.				400.000
-	Chi cho cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra, hướng dẫn và xử lý đơn thư khiếu nại về thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại địa điểm tiếp công dân:	đồng/ngày/ người	100.000	4,0	400.000